

Phụ lục
ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN KỶ NIỆM 80 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG
LỰC LƯỢNG VŨ TRANG QUÂN KHU (19/10/1946 - 19/10/2026)
(Kèm theo Công văn số /CCT-TH ngày /7/2026 của Cục Chính trị QK)

Trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, địa bàn Quân khu 2 luôn có vị trí chiến lược rất quan trọng về quốc phòng - an ninh. Đặc biệt, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Quân khu 2 là thủ đô kháng chiến, là địa bàn diễn ra nhiều chiến dịch, nhiều trận đánh lớn, như Chiến dịch Thu Đông 1947, Chiến dịch Biên Giới 1950... đỉnh cao là Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 1954, quân và dân các dân tộc Tây Bắc đã góp phần cùng cả nước làm nên chiến thắng “Lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” buộc thực dân Pháp phải ký hiệp định Giơ-ne-vơ, chấm dứt gần một thế kỷ xâm lược đất nước ta. Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, Quân khu 2 là hậu phương chiến lược cung cấp sức người, sức của cho tiền tuyến lớn Miền Nam, trực tiếp đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại bằng đường không của chúng và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc tế cao cả trên đất bạn Lào, góp phần cùng cả nước đưa cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược tới thắng lợi hoàn toàn. Trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc, lực lượng vũ trang (LLVT) Quân khu đã cùng quân và dân các dân tộc Tây Bắc kiên cường, anh dũng chiến đấu, hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc, tạo điều kiện ổn định, hòa bình để tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước. Trong thời kỳ đổi mới, LLVT Quân khu luôn hoàn thành tốt và xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, cùng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; vững bước đi lên xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (XHCN).

80 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng; được Nhân dân các dân tộc Tây Bắc tin yêu, đùm bọc; cán bộ, chiến sĩ LLVT Quân khu luôn giữ vững và phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, hoàn thành xuất sắc hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, viết nên truyền thống vẻ vang “*Trung thành, tự lực, đoàn kết, anh dũng, chiến thắng*”. Với rất nhiều cống hiến, thành tích, chiến công xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, LLVT Quân khu đã được Đảng, Nhà nước và nước bạn Lào anh em trao tặng nhiều phần thưởng cao quý. Năm 2026, nhân kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống LLVT Quân khu được Đảng, Nhà nước tặng thưởng danh hiệu “Anh hùng LLVT Nhân dân”.

Nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày truyền thống LLVT Quân khu (19/10/1946 - 19/10/2026) và đón nhận danh hiệu “Anh hùng LLVT Nhân dân”. Cục Chính trị Quân khu biên soạn Đề cương truyền thống 80 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của LLVT Quân khu làm tài liệu cơ bản để tuyên truyền, giáo dục sâu rộng cho cán bộ, chiến sĩ trong LLVT Quân khu và Nhân dân các dân tộc trên địa bàn; qua đó tiếp tục khơi dậy lòng tự hào, phát huy truyền thống vẻ vang, quyết tâm phấn đấu, vươn lên hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao; chung sức, đồng lòng cùng cả nước vững vàng tiến vào Kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên phồn vinh, thịnh vượng và phát triển của dân tộc Việt Nam.

Phần thứ nhất
LỰC LƯỢNG VŨ TRANG QUÂN KHU 2 - 80 NĂM XÂY DỰNG,
CHIẾN ĐẤU VÀ TRƯỞNG THÀNH

I. SỰ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN CỦA LLVT QUÂN KHU 2 TRONG
CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

1. Tình hình các địa phương trên địa bàn Quân khu sau Cách mạng tháng Tám thành công

Ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, thủ đô Hà Nội, trước toàn thể quốc dân, đồng bào, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (nay là nước Cộng hòa XHCN Việt Nam), từ thời điểm này đất nước ta bước sang một thời kỳ mới, thời kỳ độc lập tự do, kết thúc sự cai trị của chính quyền thực dân và phong kiến.

Sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là thành quả của phong trào cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở Việt Nam do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo đó là thắng lợi của một dân tộc thuộc địa, dám vùng lên chống lại ách nô dịch của chủ nghĩa thực dân đế quốc.

Cách mạng tháng Tám thành công, hầu hết các địa phương trên cả nước đều giành được chính quyền về tay Nhân dân lao động. Nhưng trên địa bàn Quân khu các tỉnh Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang và thị xã Vĩnh Yên, do tổ chức đảng và cơ sở cách mạng chưa đủ mạnh nên không có khởi nghĩa hoặc khởi nghĩa không thành công. Tình hình các địa phương trên địa bàn Quân khu vào thời điểm này diễn ra vô cùng phức tạp, phong trào cách mạng đứng trước nhiều khó khăn thử thách. Tháng 11/1945, hai tiểu đoàn quân Pháp từ Vân Nam - Trung Quốc kéo vào Lai Châu chiếm đóng với ý đồ chiếm lại toàn bộ vùng Tây Bắc. Trước tình hình Tổ quốc lâm nguy, vận mệnh dân tộc như *“ngàn cân treo sợi tóc”*, Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vững vàng chèo lái con thuyền cách mạng, vượt qua ghềnh thác, lãnh đạo toàn thể dân tộc, tập hợp sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, khôn khéo dũng cảm, kiên quyết đấu tranh, để bảo vệ thành quả cách mạng tháng Tám.

Như vậy vấn đề cấp bách được đặt ra cho quân và dân các dân tộc trên địa bàn Quân khu lúc này là: Tiếp tục củng cố chính quyền cách mạng ở những địa phương đã giành được chính quyền về tay Nhân dân; còn những nơi ta chưa giành được chính quyền thì nhanh chóng đấu tranh để thiết lập chính quyền về tay Nhân dân, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lại âm mưu của thực dân Pháp và các thế lực phản động.

2. Công tác xây dựng lực lượng chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược và bọn phản động tay sai

Tháng 10 năm 1945, Chính phủ quyết định thành lập các Chiến khu 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 11 để lãnh đạo và chỉ huy chiến đấu; các tỉnh Phúc Yên, Vĩnh Yên, Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai, Tuyên Quang, Hà Giang thuộc Chiến khu 1. Tỉnh Sơn La, Lai Châu cùng với các tỉnh khác thuộc Chiến khu 2.

Trong một thời gian ngắn (từ cuối năm 1945 đến cuối năm 1946) các đơn vị Vệ quốc đoàn lần lượt ra đời gồm: Chi đội giải phóng quân Trung Trắc ở Vĩnh Yên, Chi đội giải phóng quân Trần Quốc Toàn ở Phú Thọ, Chi đội giải phóng quân 3 ở Sơn La sau này trở thành Trung đoàn 148, Sư đoàn 316. Tháng 11/1945 Trung ương Đảng quyết định thành lập mặt trận Tây Bắc để ngăn chặn bước tiến của quân Pháp xâm lược.

Ngày 19/10/1946 Chiến khu 10 được thành lập do đồng chí Bằng Giang làm Tư lệnh, đồng chí Xuân Thu làm Chính trị ủy viên.

Trước những thay đổi của tình hình chiến sự trong cả nước và để phù hợp với điều kiện mới của cuộc kháng chiến, Đảng và Chính phủ quyết định phân chia lại các đơn vị hành chính và quân sự. Tháng 9/1947 huyện Mai Đà (Hòa Bình) và vùng tây nam Phú Thọ của Khu 10 sáp nhập với Sơn La, Lai Châu thành Khu 14.

Năm 1948 thực hiện chỉ thị của trên, Khu 10 và Khu 14 được sáp nhập thành Liên khu 10. Lúc này địa bàn Liên khu 10 gần như trùng với địa bàn Quân khu 2 hiện nay. Đồng chí Bùi Quang Tạo làm Bí thư Liên khu ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến của Liên khu, đồng chí Bằng Giang làm Tư lệnh Liên khu, đồng chí Lê Trọng Tấn làm Liên khu phó.

Tháng 11/1949 do yêu cầu phát triển của cuộc kháng chiến, Liên khu 10 và Liên khu 1 sáp nhập thành Liên khu Việt Bắc, ngoài Bộ Tư lệnh Liên khu Việt Bắc, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giải phóng Tây Bắc, Trung ương Đảng quyết định thành lập thêm Bộ Tư lệnh mặt trận Tây Bắc đảm nhiệm chỉ huy tác chiến trên 4 hướng của các tỉnh: Sơn La, Lai Châu, Yên Bái, Lào Cai; đồng chí Bằng Giang được cử làm Tư lệnh, đồng chí Song Hào làm Chính ủy mặt trận.

3. Lực lượng vũ trang Quân khu tham gia đấu tranh chống phá hoại của bọn phản động tay sai

Với dã tâm trở lại xâm lược Việt Nam, ngày 23/9/1945 thực dân Pháp đã nổ súng gây hấn ở Sài Gòn, ở miền Bắc 20 vạn quân Tưởng lấy danh nghĩa quân đồng minh tràn vào giải giáp quân đội Nhật, hòng tiêu diệt Đảng Cộng sản Việt Nam, tiêu diệt Việt Minh, giúp bọn phản động và tay sai lật đổ chính quyền cách mạng còn non trẻ. Trước tình hình đó, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo tập hợp sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh bảo vệ thành quả Cách mạng tháng Tám.

Trên địa bàn Quân khu, ngày 13/6/1948 quân và dân thị xã Yên Bái đã tấn công vào sào huyệt của Quốc Dân Đảng, giải phóng hoàn toàn thị xã Yên Bái khỏi sự kiểm soát của Quốc Dân Đảng.

Tháng 8/1946 thực hiện chủ trương của trên, LLVT Liên khu 1 đã tổ chức chiến dịch dẹp trừ Quốc Dân Đảng phản động trên dọc tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai; đồng chí Bùi Quang Tạo, xứ ủy viên Bắc Kỳ và đồng chí Bằng Giang Tư lệnh khu, trực tiếp chỉ huy, chỉ đạo, phát huy sức mạnh tổng hợp, quân và dân ta đã lần lượt giải phóng thị xã Vĩnh Yên, Bạch Hạc, Việt Trì, Phú Thọ, Yên Bái, Phố Lu, Lào Cai. Trong quá trình giải phóng Lào Cai, các đơn vị lực lượng vũ trang Khu 10 đã tích cực chủ động chiến đấu dũng cảm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, góp phần to lớn vào thắng lợi chung trong cuộc chiến đấu chống Quốc Dân Đảng phản động.

Ở Hà Giang đã tổ chức một Đại đội cảnh vệ, quân số 500 người phối hợp chặt chẽ với chủ lực Chiến khu tiến hành bao vây khoanh vùng đấu tranh làm tan giã tổ chức phản động và bắt giữ xử lý những tên đầu sỏ phản động tay sai, đến đầu năm 1947 các lực lượng vũ trang Hà Giang cùng với đồng bào các dân tộc trên địa bàn xoá sổ các nhóm phản động tay sai của Quốc Dân Đảng.

Thắng lợi của cuộc đấu tranh gian khổ quyết liệt chống quân Tưởng và bè lũ phản động Quốc Dân Đảng trong những năm 1945 - 1946 thể hiện sách lược đấu tranh tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thắng lợi này có ý nghĩa vô cùng quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho LLVT và Nhân dân các dân tộc trên địa bàn Quân khu, chuẩn bị mọi mặt để bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược.

4. Chiến đấu chống thực dân Pháp quay lại xâm lược, góp phần đánh bại chiến lược “Đánh nhanh thắng nhanh” của chúng

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, LLVT của ta còn rất non trẻ, kinh nghiệm chiến đấu chưa nhiều, điều kiện sinh hoạt và các mặt bảo đảm khác còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Song được sự yêu thương đùm bọc, chở che, giúp đỡ của đồng bào các dân tộc Tây Bắc, cán bộ, chiến sĩ LLVT đã anh dũng chiến đấu chống lại cuộc hành binh lấn chiếm của thực dân Pháp cũng như các hành động phá hoại, khiêu khích của các thế lực phản động.

Thu Đông năm 1947 quân và dân Khu 10, Khu 11, Khu 14 đã dũng cảm chiến đấu tiêu diệt phần lớn cánh quân Com - mune - nant, bẻ gãy “gọng kìm Sông Lô” trong chiến dịch tiến công lên Việt Bắc của thực dân Pháp. Trung đoàn 148 tích cực chặn đánh địch bảo vệ phía Tây Nam tỉnh Phú Thọ; Trung đoàn 92 Phú Yên chiến đấu ngoan cường chặn đứng các cuộc tiến công của địch từ Nghĩa Lộ, Than Uyên ra phía ven hữu ngạn Sông Hồng; Trung đoàn 87, Trung đoàn 112 và các Trung đội Pháo binh của Quân khu đã tổ chức nhiều trận phục kích, gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề trên đường số 2 và trên Sông Lô.

Đến tháng 12/1947 gọng kìm phía Tây của thực dân Pháp đã bị bẻ gãy. Quân và dân Khu 10 đã viết nên bản hùng ca Sông Lô hào hùng với những chiến thắng Khoan Bộ, Đoan Hùng, Bình Ca, Khe Lau, Mác Khan... Trên mặt trận Sông Lô quân và dân Khu 10 đã tiêu diệt được 1.200 tên địch, bắn chìm và cháy 15 tàu chiến các loại của thực dân Pháp.

Năm 1950 LLVT Tây Bắc phối hợp chặt chẽ với lực lượng chủ lực của Bộ mở chiến dịch Lê Hồng Phong 1 và chiến dịch Lê Hồng Phong 2, giải phóng toàn bộ tỉnh Lào Cai, huyện Hoàng Su Phì (Hà Giang) và một phần của tỉnh Yên Bái.

Tháng 3/1948 Liên khu ủy, Bộ Tư lệnh Liên khu đã quyết định mở Chiến dịch Nghĩa Lộ, kết quả là ta đã buộc địch phải rút khỏi 7 vị trí, gọi hàng 163 nguy binh. Trong Chiến dịch Sông Đà tháng 2/1949, Chiến dịch Sông Thao tháng 3/1949 và các Chiến dịch khác với quy mô vừa và nhỏ, các đơn vị của ta đã đánh 436 trận, tiêu diệt 2.683 tên địch, bắt sống 353 tên, gọi hàng 562 tên, thu 500 súng các loại, 6 tấn đạn và nhiều vũ khí, quân dụng khác của chúng. Phá vỡ mảng lớn và làm suy yếu tuyến phòng thủ của địch trên chiến trường Tây Bắc.

Từ ngày 08/2 - 10/3/1950, Bộ Tư lệnh mặt trận Tây Bắc tiếp tục mở Chiến dịch Lê Hồng Phong 1, đồng chí Bằng Giang Tư lệnh mặt trận Tây Bắc được giao làm Chỉ huy trưởng Chiến dịch, đồng chí Song Hào Chính ủy mặt trận Tây Bắc được giao làm Chính ủy Chiến dịch. Kết quả đã tiêu diệt 470 tên địch, làm bị thương 230 tên, bắt và gọi hàng 191 tên, phá và thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng của địch, giải phóng trên 1000 km² với hơn 1 vạn dân.

Cuối năm 1950, đầu năm 1951, LLVT Tây Bắc tham gia chiến dịch Trần Hưng Đạo giải phóng một phần phía Bắc tỉnh Vĩnh Phúc. Tháng 3/1951 Trung đoàn 148 cùng bộ đội địa phương các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai đuổi đánh hơn 1000 tàn quân của Tưởng Giới Thạch tràn sang đất ta, tiêu diệt hàng trăm tên, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng các loại của chúng.

Trong Chiến dịch Lý Thường Kiệt (tháng 10/1951), tham gia chiến dịch giải phóng Tây Bắc (năm 1952) ta đã tiêu diệt 1.005 tên địch, bắt sống 5.024 tên, diệt gọn 4 Tiểu đoàn và 24 Đại đội, đánh thiệt hại nặng nhiều Tiểu đoàn cơ động của địch, giải phóng vùng đất rộng 28.500 km² với 25 vạn dân.

Từ tháng 4 đến tháng 6 năm 1953, phối hợp với bộ đội chủ lực, quân và dân Tây Bắc đã tiến công phi ở khắp nơi, tiêu diệt trên 7.000 tên, hoàn thành tốt nhiệm vụ tiêu phi, trừ gian ở Tây Bắc.

Trong Chiến dịch Thu - Đông (1953 - 1954) mà đỉnh cao là Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, với tinh thần *“Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”*, Nhân dân các dân tộc Tây Bắc đã tự nguyện tham gia, đóng góp nhiều sức người, sức của cho chiến dịch: 7.310 tấn gạo (vượt chỉ tiêu 347 tấn, bằng hơn ¼ số lượng gạo toàn chiến dịch), 389 tấn thực phẩm, huy động 27.657 dân công vượt chỉ tiêu Trung ương giao. Các đơn vị là Trung đoàn 174, Trung đoàn 98 của Đại đoàn 316 đã trực tiếp tham gia chiến dịch với những trận đánh và chiến công xuất sắc trên đồi A1, A3, C1, C2, sân bay Mường Thanh. Đặc biệt trên đồi A1, cao điểm phòng ngự then chốt trên hướng Đông của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, cuộc chiến đấu giữa ta và địch diễn ra giằng co hết sức gay go, ác liệt. Khối bộc phá gần 1.000 kg do bộ đội ta đào hầm và đặt trong lòng đồi A1 được phát nổ là hiệu lệnh xung phong của toàn mặt trận, tổng công kích vào sở chỉ huy của quân Pháp, bắt sống tướng Đờ Cát-Xơ-Ri.

Quân và dân các dân tộc Tây Bắc đã góp phần làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ *“Lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”* buộc thực dân Pháp phải ký hiệp định Giơ-ne-vơ, chấm dứt gần một thế kỷ xâm lược đất nước ta.

II. LỰC LƯỢNG VŨ TRANG QUÂN KHU TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

1. Công tác xây dựng LLVT Quân khu góp phần củng cố chính quyền các cấp, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Những thành tích và chiến công xuất sắc đóng góp to lớn vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đặc biệt là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, chiến thắng vĩ đại diễn ra ngay trên quê hương Tây Bắc đã cổ vũ quân và dân trên địa bàn Quân khu quyết tâm vượt qua mọi khó khăn gian khổ, xây dựng địa bàn Quân khu thành một khu vực vững mạnh về cả chính trị, kinh tế, văn hoá, an ninh và quốc phòng.

Theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, tháng 5/1955 Quân khu Tây Bắc được thành lập. Quân khu Tây Bắc lần lượt do các đồng chí Bằng Giang, Vũ Lập, Lê Thuỳ làm Tư lệnh; đồng chí Chu Phương Đới, Lê Thanh làm Phó Tư lệnh; đồng chí Vũ Nhất, Chu Huy Mân, Lê Đình Thiệp, Trần Thế Môn, Hoàng Kiên, Trương Công Cẩn làm Chính ủy.

Từ năm 1954 đến trước khi cuộc chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ ra Miền Bắc (6/1965), lực lượng vũ trang Quân khu đã được củng cố kiện toàn thêm một bước. Bộ đội chủ lực của Quân khu được xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, từng bước hiện đại, sẵn sàng chiến đấu cao, đáp ứng nhiệm vụ bảo vệ vùng Tây Bắc của Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế tại 6 tỉnh Bắc Lào. Bộ đội địa phương và dân quân tự vệ được phát triển rộng khắp đã tham gia tích cực cùng bộ đội chủ lực diệt phi thù gian, giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn; đồng thời luôn sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ cơ động được giao.

Trong những năm 1955 - 1960, dù còn rất nhiều khó khăn, gian khổ và phức tạp nhưng LLVT Quân khu và đồng bào các dân tộc Tây Bắc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, giữ vững an ninh chính trị, phát triển sản xuất từng bước xây dựng quê hương thành căn cứ địa cách mạng vững mạnh. Lực lượng vũ trang Quân khu qua thực tế vừa chiến đấu vừa công tác đã có những bước trưởng thành lớn mạnh, luôn nhận và hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao.

2. LLVT Quân khu thực hiện nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng, tham gia công cuộc cải tạo XHCN và tổ chức thành công Đại hội đại biểu Quân khu Tây Bắc lần thứ nhất

Tháng 01/1958, Tổng Quân ủy đã giao nhiệm vụ cho các đơn vị tham gia nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng. LLVT Quân khu đã thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; cùng với nhiệm vụ xây dựng, huấn luyện và tham gia lao động sản xuất, thời gian này LLVT Quân khu đã góp phần tích cực cùng Đảng bộ, chính quyền địa phương và đồng bào các dân tộc hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Ngày 04/7/1960, Đại hội đại biểu Quân khu Tây Bắc được tiến hành; về dự Đại hội có 140 đại biểu chính thức và 15 đại biểu dự thỉnh. Sau 6 năm hòa bình, đây là lần đầu Đại hội đại biểu Quân khu được tiến hành. Những vấn đề quyết định ở Đại hội có ý nghĩa rất lớn về lãnh đạo, chỉ đạo trong toàn Quân khu, đánh dấu một bước ngoặt mới trên bước đường đi lên của Quân khu, mở ra một thời kỳ mới - thời kỳ tích cực xây dựng hậu phương căn cứ Tây Bắc vững mạnh, làm tròn nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nghĩa vụ quốc tế.

3. LLVT Quân khu xây dựng hậu phương chiến lược vững mạnh, làm nghĩa vụ quốc tế, đánh thắng chiến tranh phá hoại, chi viện cho chiến trường Miền Nam, cùng cả nước đưa cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược tới thắng lợi hoàn toàn

Thực hiện nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ thành quả CNXH ở miền Bắc, làm tròn nhiệm vụ quốc tế, đồng thời chi viện tích cực cho cách mạng miền Nam tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước. LLVT Quân khu đã tích cực tham gia lao động sản xuất, một số đơn vị được tách ra thành lập các công trường, nông trường, góp phần xây dựng những cơ sở kinh tế và trung tâm kinh tế Tây Bắc.

Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, quân và dân các dân tộc Tây Bắc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc tế, dấu chân các chiến sĩ tình nguyện, các chuyên gia dân chính đảng... đã in đậm khắp các bản làng của 6 tỉnh Bắc Lào. Tình đoàn kết liên minh chiến đấu Việt - Lào mãi mãi là biểu tượng cao đẹp của quan hệ đặc biệt keo sơn gắn bó giữa 2 dân tộc.

Từ tháng 5/1965 đến cuối năm 1972, lực lượng vũ trang Quân khu đã xây dựng được thế trận chiến tranh nhân dân rộng khắp, cùng quân và dân cả nước đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ra miền Bắc. Lực lượng phòng không 3 thứ quân của Quân khu đã bắn rơi 339 máy bay phản lực hiện đại của địch (trong đó có 2 máy bay B52, 3 máy bay F111), bắt sống nhiều giặc lái; đặc biệt nhiều nơi dân quân các dân tộc đã dùng súng bộ binh bắn rơi máy bay phản lực của Mỹ như: Nữ dân quân Yên Châu (Sơn La), dân quân xã Tiên Châu/Yên Lãng, Đạo Trù/Lập Thạch (Vĩnh Phúc)... bảo vệ vững chắc hậu phương Tây Bắc; đó là những biểu hiện rõ nét sinh động của thế trận phòng không nhân dân Việt Nam đã đánh thắng vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại của Mỹ, tô thắm truyền thống anh dũng, chiến thắng, sáng ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng của Nhân dân ta.

Từ tháng 01/1965, Trung đoàn 174 (Sư đoàn 316) đã có mặt và tham gia chiến đấu ở Sầm Nưa, giải phóng Hứa Mường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tiếp đó Trung đoàn 148, Trung đoàn 174 (Sư đoàn 316) đã tham gia hai chiến dịch Xiêng Khoảng - Mường Sủi giành thắng lợi to lớn, kết thúc đợt hoạt động mùa khô 1968 - 1969 của lực lượng bộ đội tình nguyện Quân khu trên chiến trường các tỉnh Bắc Lào. Trong đợt chiến đấu này ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn tên địch, bắt 455 tên, gọi hàng 876 tên (chủ yếu là lực lượng Vàng Pao), thu hơn 1.700 súng các loại, bắn rơi và phá hủy 32 máy bay, nhiều sở chỉ huy của địch bị tiêu diệt hoặc bị đánh thiệt hại nặng.

Trong chiến dịch Huế - Đà Nẵng, Sư đoàn 316 nằm trong đội hình chiến đấu của Quân đoàn 3 đã tham gia nhiều trận chiến đấu, ghi đậm những chiến công vang dội. Với thành tích loại khỏi vòng chiến đấu 6.715 tên địch, bắn rơi 4 máy bay, thu 26 khẩu pháo và trên 3.000 súng các loại, góp phần tô thắm truyền thống “Quyết chiến, quyết thắng” của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng.

Trong sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước có: 209.000 thanh niên ưu tú con em các dân tộc Tây Bắc lên đường nhập ngũ, tham gia chiến đấu trên khắp các chiến trường. Nhiều đơn vị vinh dự được vào Miền Nam chiến đấu, chia lửa cùng đồng bào miền Nam ruột thịt, chiến đấu trên các chiến trường và đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Sư đoàn 316 anh hùng được vinh dự tham gia chiến dịch giải phóng Tây Nguyên với nhiệm vụ đánh trận mở màn then chốt giải phóng thị xã Buôn Ma Thuật và nằm trong đội hình của Quân đoàn 3 đánh vào hướng Tây Bắc, cửa ngõ Sài Gòn trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc 30/4/1975.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG, CHIẾN ĐẤU VÀ TRƯỞNG THÀNH CỦA LLVT QUÂN KHU (1975 - 2026)

1. Thành lập Quân khu 2 và cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc

Đại thắng mùa xuân năm 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc vẻ vang cuộc chiến tranh giải phóng trường kỳ của dân tộc ta, hoàn thành sự

nghiệp cách mạng dân chủ nhân dân. Cách mạng nước ta bước sang một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược trong giai đoạn mới của cách mạng, giữa năm 1976 Quân khu Tây Bắc được sáp nhập thành Quân khu 1, đồng chí Đàm Quang Trung được cử giữ chức Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân khu; các đồng chí Vũ Lập, Lê Thuỳ, Lê Thanh làm Phó Tư lệnh, đồng chí Võ Quốc Vinh làm Phó Chính ủy Quân khu.

Trước tình hình quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, bọn phản động Pôn pốt được hỗ trợ của bọn phản động quốc tế đã gây ra nạn diệt chủng ở Cam - Pu - Chia và tiến hành chiến tranh xâm lược ở biên giới phía Tây Nam nước ta. Đồng thời trên tuyến biên giới phía Bắc kẻ thù cũng ráo riết chuẩn bị chiến tranh xâm lược.

Để kịp thời điều chỉnh, bố trí lực lượng đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn cách mạng mới, ngày 21/06/1978 Quân khu 2 được thành lập, theo Sắc lệnh số 62/LCT của Chủ tịch nước, bao gồm các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Hà Tuyên, Hoàng Liên Sơn, Vĩnh Phú. Ngày 01/7/1978 Bộ Tư lệnh Quân khu chính thức điều hành mọi hoạt động của LLVT Quân khu.

Ngày 17/02/1979 đến 16/3/1979 quân và dân các dân tộc trên địa bàn Quân khu đã cùng với quân và dân cả nước dũng cảm kiên cường đánh bại cuộc tiến công xâm lược của đối phương ở biên giới phía Bắc. Riêng hướng Quân khu 2 đã chiến đấu với 3 quân đoàn của đối phương. Sư đoàn 316, Sư đoàn 355, Sư đoàn 313 đã cùng với đơn vị địa phương anh dũng chiến đấu đánh bại nhiều cuộc tiến công của đối phương, gây cho chúng nhiều tổn thất nặng nề, buộc phải rút về bên kia biên giới.

Ngày 16/3/1979 đến đầu năm 1989 trên tuyến biên giới phía Bắc vẫn còn nhiều phức tạp, đối phương tiếp tục có những hành động lấn chiếm biên giới; tuyến biên giới Hà Tuyên trở thành điểm nóng của cả nước; có những ngày chúng sử dụng đến gần 90.000 quả đạn pháo, cối các loại bắn phá sang đất ta; ngã ba Phong Quang, khu vực 4 hầm đòi Cô ích, đòi Đai, cao điểm 1509, đã trở thành những địa danh, chiến tích được cả nước biết đến.

Trong thời gian này, LLVT Quân khu đã có bước phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Quân đoàn 29 với 4 Sư đoàn và các đơn vị binh chủng trực thuộc được thành lập, phòng thủ hướng Hoàng Liên Sơn. Sư đoàn 356, 313, 314 cùng một số Trung đoàn của các tỉnh và chủ lực của Bộ thay phiên nhau làm nhiệm vụ chiến đấu phòng thủ tuyến Hà Tuyên. Sư đoàn 326 và một số đơn vị khác phòng thủ hướng Lai Châu. Ngoài các đơn vị của Quân khu 2 còn có sư đoàn 357, 411 và một số Trung, Lữ đoàn binh chủng trực thuộc làm nhiệm vụ dự nhiệm ở các tỉnh biên giới (mỗi tỉnh có từ 1 đến 2 Trung đoàn, huyện biên giới có Tiểu đoàn và Đại đội, xã biên giới có từ 1 Trung đội đến 1 Đại đội dân quân tự vệ).

Trước quyết tâm chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của quân và dân ta, đầu năm 1989 đối phương buộc phải xuống thang, rút khỏi nhiều điểm lấn chiếm trái phép. Qua 10 năm chiến đấu, LLVT Quân khu 2 cùng với đồng bào các dân tộc trên địa bàn đã anh dũng chiến đấu, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, ác liệt, vừa chiến đấu vừa xây dựng, từng bước trưởng thành, hiệu suất chiến đấu ngày càng cao, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực của đối phương, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, đã buộc đối phương phải rút khỏi những nơi đã lấn chiếm. Đó là thắng lợi có

ý nghĩa quan trọng đối với quân và dân các dân tộc Tây Bắc, đồng thời cũng là thắng lợi chung của toàn quân, toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc.

2. Xây dựng LLVT Quân khu “Cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”, xây dựng nền quốc phòng toàn dân hiện đại, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới

Qua 40 năm đổi mới (1986 - nay), dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy những kết quả thành tích đạt được trong các cuộc kháng chiến, quân và dân các dân tộc trên địa bàn Quân khu đã tập trung nỗ lực, củng cố tăng cường tiềm lực quốc phòng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc; chất lượng tổng hợp của LLVT Quân khu, nhất là bản lĩnh chính trị của cán bộ, chiến sĩ và trình độ sẵn sàng chiến đấu của các đơn vị ngày một nâng cao.

Bộ Tư lệnh Quân khu 2 lần lượt do các đồng chí Vũ Lập làm Tư lệnh kiêm Chính ủy; các đồng chí Đặng Quân Thụy, Đào Trọng Lịch, Trần Tất Thanh, Ma Thanh Toàn, Đỗ Bá Ty, Dương Đức Hòa, Phùng Sĩ Tấn, Phạm Hồng Chương, Trần Văn Bắc làm Tư lệnh Quân khu, đồng chí Lê Xuân Duy được giao Phụ trách Tư lệnh Quân khu; các đồng chí Huỳnh Đắc Hương, Phạm Hồng Cư, Phạm Sinh, Lò Văn Nhài, Trần Thu, Nguyễn Hữu Thìn làm Phó Tư lệnh về chính trị. Từ năm 2006, thực hiện Nghị quyết 51 của Bộ Chính trị, các đồng chí Lê Minh Cự, Nguyễn Ngọc Liên, Lê Hiền Vân, Trịnh Văn Quyết, Phạm Đức Duyên làm Chính ủy Quân khu.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ cách mạng mới, từ năm 1989 đến nay, LLVT Quân khu đã có nhiều sự điều chỉnh về lực lượng, biên chế, tổ chức. Một số đơn vị được giải thể như Quân đoàn 29, Sư đoàn 356, Sư đoàn 313, Sư đoàn 314, Sư đoàn 357, Sư đoàn 411, Sư đoàn 326... Một số đơn vị được rút gọn làm nhiệm vụ huấn luyện quân dự bị động viên như: Sư đoàn 355, các Trung đoàn trực thuộc tỉnh cũng được rút gọn. Các đoàn kinh tế - quốc phòng, các công ty được thành lập, đó là Đoàn 379, 326, 313, 314, 356, 345, Công ty Tây Bắc, Công ty 705, làm nhiệm vụ kinh tế kết hợp với quốc phòng. Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về tinh, gọn bộ máy hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; từ ngày 01/7/2025, cả nước thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp (cấp tỉnh và cấp xã, phường); trên địa bàn Quân khu, các tỉnh Phú Thọ, Hòa Bình, Vĩnh Phúc sáp nhập thành tỉnh Phú Thọ; tỉnh Lào Cai và Yên Bái sáp nhập thành tỉnh Lào Cai; tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang sáp nhập thành tỉnh Tuyên Quang; các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Điện Biên giữ nguyên địa giới hành chính. Thực hiện chủ trương xây dựng Quân đội tinh, gọn, mạnh, tiến tới xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; Quân khu tổ chức sáp nhập Cục Hậu cần và Cục Kỹ thuật thành Cục Hậu cần - Kỹ thuật, tiếp nhận nguyên trạng Sư đoàn 304 từ Quân đoàn 2; giải thể 98 Ban CHQS cấp huyện; thành lập 25 Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực trực thuộc 6 Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (Phú Thọ, Lào Cai, Tuyên Quang, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên); tiếp nhận 5 Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự 5 tỉnh biên giới (Lào Cai, Tuyên Quang, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên) và thành lập mới 529 Ban Chỉ huy quân sự xã, phường.

Trong điều kiện còn nhiều khó khăn, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó đoán định; chiến tranh, xung đột, chạy đua vũ trang, đe dọa vũ lực và sử dụng vũ lực gia tăng, lan rộng; chủ nghĩa bảo hộ, chiến tranh thương mại, tranh chấp chủ quyền biên giới, biển, đảo, tài nguyên diễn biến phức tạp hơn. Biển Đông tiếp tục căng thẳng với các tình huống mới, tiềm ẩn nguy cơ xung đột. Đất nước ta bước vào kỷ nguyên phát triển mới; xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại và xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, hiện đại đặt ra những yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và xây dựng LLVT Quân khu. Sau sắp xếp tổ chức, bộ máy đơn vị hành chính, địa bàn Quân khu được mở rộng thêm, thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp tạo ra khoảng cách địa lý lớn từ tỉnh đến xã, đặc biệt là xã vùng sâu, vùng xa, đặt ra nhiều vấn đề mới liên quan đến công tác quốc phòng, an ninh, công tác nắm, quản lý tình hình địa bàn và công tác lãnh đạo, chỉ huy, quản lý điều hành, tổ chức, bố trí lực lượng, xây dựng thế trận phòng thủ, kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh. Trên địa bàn Quân khu, các thế lực thù địch tăng cường móc nối, lôi kéo, tập hợp lực lượng tuyên truyền gây chia rẽ khối đại đoàn kết giữa các dân tộc, kích động di cư tự do, âm mưu tập hợp lực lượng thành lập “Nhà nước riêng”; hoạt động của các loại tội phạm; vi phạm quy chế quản lý biên giới đất liền và những vấn đề an ninh phi truyền thống, thiên tai, dịch bệnh, sự cố môi trường tiếp tục diễn biến khó lường.

Trong bối cảnh tình hình vừa có những thuận lợi, vừa có khó khăn đan xen. Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu cùng với đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc trên địa bàn đã luôn đoàn kết, thống nhất, phát huy truyền thống của Quân đội và LLVT Quân khu, truyền thống của quân, dân các dân tộc Tây Bắc, lãnh đạo LLVT Quân khu hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ, vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng, trong thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nắm vững nhiệm vụ chính trị, chủ động vượt mọi khó khăn, hoàn thành toàn diện các mặt công tác, có nhiều nhiệm vụ hoàn thành xuất sắc, tiêu biểu là:

- *Xây dựng LLVT Quân khu vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, luôn sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.*

LLVT Quân khu luôn đổi mới công tác giáo dục chính trị tư tưởng, triển khai và thực hiện hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Cuộc vận động “*Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ*” thời kỳ mới. Quán triệt, thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ tinh thần “7 dám” theo chỉ đạo của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng; “2 kiên định, 2 đầy mạnh, 2 ngăn ngừa” (2 kiên định là: “*Kiên định đường lối quân sự, quốc phòng của Đảng. Kiên định xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị, góp phần giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội*”. 2 đầy mạnh là: “*Đầy mạnh xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Đầy mạnh hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng*”. 2 ngăn ngừa là: “*Ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột. Ngăn ngừa mọi biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong Đảng bộ Quân đội và toàn quân*”) và phương châm “5 vững” (Chính trị vững, kỷ luật vững, công nghệ vững, nghệ thuật quân sự vững, đời sống bộ đội vững) theo chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm, Bí thư Quân ủy Trung ương;

xây dựng bản lĩnh chính trị kiên định vững vàng, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao; đấu tranh chống lấn chiếm bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động di cư tự do và hoạt động truyền đạo trái pháp luật, làm thất bại âm mưu thủ đoạn “*Diễn biến hòa bình*”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, góp phần giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn; nền quốc phòng toàn dân được củng cố; khu vực phòng thủ được tăng cường; chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của LLVT Quân khu không ngừng được nâng lên. Công tác tổ chức xây dựng Đảng thường xuyên được chú trọng; Đảng bộ Quân khu được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; thành lập mới, sáp nhập, chuyển giao, giải thể các tổ chức đảng được tiến hành đồng bộ với điều chỉnh tổ chức biên chế lực lượng, không để khoảng trống trong lãnh đạo. Phối hợp chặt chẽ với cấp ủy các địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả các quy chế phối hợp, nhất là trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ QS, QP, xây dựng và hoạt động KVPT; kiện toàn tổ chức đảng ở cơ quan quân sự cấp tỉnh, ban chỉ huy phòng thủ khu vực, ban chỉ huy bộ đội biên phòng và chi bộ quân sự cấp xã chặt chẽ, đúng quy trình, nguyên tắc; gắn xây dựng cấp ủy, tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh với xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện “mẫu mực, tiêu biểu”.

LLVT Quân khu đã triển khai và thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng môi trường văn hoá ở đơn vị cơ sở. Các nội dung, biện pháp xây dựng chính quy gắn với rèn luyện kỷ luật được thực hiện một cách đồng bộ. Đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất, năng lực đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ, không ngừng rèn luyện theo tinh thần “7 dám” (*Dám nghĩ; dám nói; dám làm; dám chịu trách nhiệm; dám đổi mới, sáng tạo; dám đương đầu với khó khăn, thử thách và dám hành động vì lợi ích chung*), thực sự là “cái gốc của mọi công việc”; luôn phát huy tốt vai trò, trách nhiệm, làm việc theo đúng chức trách, nhiệm vụ được phân công.

- *Phát huy truyền thống “Trung thành, tự lực, đoàn kết, anh dũng, chiến thắng”, nâng cao chất lượng huấn luyện, SSCĐ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; thực hiện tốt công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số trong LLVT Quân khu.*

Thực hiện tốt công tác SSCĐ và xây dựng khu vực phòng thủ; các cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai đồng bộ và toàn diện các kế hoạch tác chiến phòng thủ cơ bản, kế hoạch SSCĐ, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, phòng chống cháy rừng, bảo vệ rừng. Chỉ đạo hoàn thành tốt diễn tập tác chiến phòng thủ Quân khu; các cuộc diễn tập khu vực phòng thủ và diễn tập chỉ huy cơ quan một bên hai cấp; hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ tham gia diễn binh, diễu hành kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ, năm 2024 (A70), 50 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, năm 2025 (A50) và 80 năm Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam, năm 2025 (A80). Các Sư đoàn, Lữ đoàn, Trung đoàn đủ quân hàng năm thực hiện tốt kế hoạch diễn tập, luyện tập chỉ huy cơ quan. Hoàn thành tốt công tác rà phá vật cản phục vụ cho nhiệm vụ phân giới cắm mốc trên biên giới Việt - Trung; biên giới Việt - Lào và tích cực triển khai Dự án thành phần số 2: Rà phá bom mìn, vật cản khắc phục hậu quả sau chiến tranh giai đoạn 2025 - 2027. Phát huy tốt vai trò của lực lượng bộ đội biên phòng và dân quân tự vệ các xã biên giới tuần tra canh gác, phát hiện và xử lý kịp thời các vụ xâm canh, xâm cư, lấn chiếm trái phép.

Thực hiện tốt nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu, triển khai đồng bộ, toàn diện, hoàn thành tốt kế hoạch nội dung, chương trình đề ra, sát với yêu cầu, nhiệm vụ chiến đấu, phù hợp với đối tượng tác chiến, cách đánh truyền thống và trang bị vũ khí của Quân đội ta.

Công tác cải cách hành chính quân sự, chuyển đổi số được triển khai thực hiện toàn diện; quản lý văn bản và điều hành, xử lý công việc trên môi trường mạng số liệu quân sự cơ bản đã đi vào nền nếp, bước đầu đạt kết quả tích cực; phong trào thi đua với chủ đề: *“Quân đội thi đua đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số”* và *“Bình dân học vụ số”* được triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả, đã tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, tư duy và hành động của cán bộ, chiến sĩ đối với chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo trong LLVT Quân khu.

- *Thực hiện tốt công tác vận động quân chúng, xây dựng cơ sở chính trị địa phương vững mạnh, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Quân khu.*

Quán triệt chức năng nhiệm vụ của đội quân chiến đấu, đội quân công tác, LLVT Quân khu đã phối hợp với các cấp, các ngành ở địa phương tích cực tiến hành công tác dân vận, tham gia xây dựng cơ sở chính trị địa phương vững mạnh, khắc phục thiên tai, bão lũ, dịch bệnh và thực hiện tốt chính sách hậu phương Quân đội. Đã đưa các tổ, đội công tác liên ngành và hàng nghìn lượt cán bộ, chiến sĩ đi xây dựng cơ sở ở các nơi xung yếu, vùng sâu, vùng xa, thực hiện *“bốn cùng”* với Nhân dân, giúp Nhân dân định canh, định cư, tổ chức lại bản làng, ổn định cuộc sống, đấu tranh chống hoạt động tuyên truyền đạo, hoạt động tôn giáo trái pháp luật, phối hợp tham gia xoá mù chữ, vận động Nhân dân xoá bỏ cây thuốc phiện. Quân khu đã quyên góp hàng chục tỷ đồng xây dựng quỹ *“đền ơn đáp nghĩa”*, quỹ *“xoá đói giảm nghèo”*, giúp chính quyền địa phương khắc phục khó khăn, cứu hộ, cứu nạn trong thiên tai lũ lụt, tham gia xoá đói giảm nghèo, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội địa phương, xây dựng điểm sáng văn hoá ở các thôn, xã, làng, bản... Các đơn vị trong Quân khu đã nhận phụng dưỡng hàng trăm Mẹ Việt Nam anh hùng, tặng sổ tiết kiệm và nhà tình nghĩa cho các đối tượng chính sách, gia đình có công với cách mạng; tổ chức khám chữa bệnh và cấp thuốc điều trị cho Nhân dân trên địa bàn. Hình ảnh *“Bộ đội cụ Hồ”* ngày càng được giữ vững, toả sáng trong lòng đồng bào các dân tộc Tây Bắc.

- *Phát huy tinh thần tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo vượt lên khó khăn tổ chức thực hiện tốt việc bảo đảm công tác hậu cần, kỹ thuật cho nhiệm vụ huấn luyện SSCĐ và các hoạt động khác của LLVT Quân khu.*

Luôn bảo đảm công tác hậu cần đáp ứng đầy đủ, kịp thời cho các nhiệm vụ. Thực hiện tốt phong trào thi đua *“Ngành Hậu cần Quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy”*. Duy trì nghiêm lượng dự trữ vật chất, trang bị hậu cần SSCĐ; phát huy tốt nội lực, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tự túc 100% rau ăn, 75% định lượng thịt, cá; đời sống bộ đội giữ được ổn định và cải thiện, hàng năm có trên 90% đơn vị đạt tiêu chuẩn đơn vị *“Nuôi quân giỏi, quản lý quân nhu tốt”*.

Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Quân ủy Trung ương về lãnh đạo công tác kỹ thuật trong tình hình mới. Thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động *“Quản lý, khai thác vũ khí trang bị kỹ thuật tốt, bền, an toàn, tiết kiệm và an*

toàn giao thông”. Bảo đảm đầy đủ, kịp thời vũ khí, trang bị kỹ thuật cho các nhiệm vụ (vũ khí trang bị SSCĐ luôn có hệ số $Kbđ = 1$, $Kt = 1$).

- *Công tác đối ngoại quốc phòng được triển khai chủ động, tích cực theo đúng quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước, Quân đội, đi vào chiều sâu, hiệu quả, thực chất hơn.* Hằng năm, LLVT Quân khu chủ động triển khai và thực hiện tốt kế hoạch hợp tác với Lào; hoạt động thăm hỏi, trao đổi kinh nghiệm của LLVT Quân khu với các tỉnh Bắc Lào diễn ra thường xuyên, thân tình, hiệu quả; LLVT Quân khu chủ động cùng với các tỉnh, đơn vị của Lào phối hợp xây dựng, bảo vệ tuyến biên giới; làm tốt công tác tìm kiếm, quy tập, hồi hương hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh tại Lào; tích cực triển khai công tác phối hợp thu dung khám chữa bệnh cho các đối tượng theo đề nghị của Bạn đối với Quân khu và các đơn vị kết nghĩa; việc phối hợp triển khai các dự án chăn nuôi và kết quả tổ chức sản xuất kinh doanh trên địa bàn Bắc Lào đạt kết quả tốt, đã góp phần quan trọng vun đắp tình cảm gắn bó keo sơn bền chặt giữa hai dân tộc. Trong những năm qua, lực lượng làm nhiệm vụ tại các phái bộ gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, góp phần lan tỏa truyền thống văn hóa dân tộc và phẩm chất cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ” với bạn bè quốc tế.

IV. NHỮNG NÉT TRUYỀN THỐNG TIÊU BIỂU VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Những nét truyền thống tiêu biểu

Ngày 19/10/1946 theo quyết định của Trung ương; Chiến khu 10 được thành lập gồm các tỉnh Lào Cai, Hà Giang, Yên Bái, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Yên và huyện Mai Đà (Hòa Bình). Ngày 08/9/1995, Bộ Quốc phòng đã ra Quyết định số 794/QĐ-QP công nhận ngày 19/10/1946 là ngày truyền thống của Lực lượng vũ trang Quân khu 2.

Nằm ở phía Tây Bắc của Tổ quốc, Quân khu 2 là một địa bàn chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế và quốc phòng - an ninh; địa bàn Quân khu 2 ngày nay gồm 06 tỉnh: Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Lào Cai, Tuyên Quang, Phú Thọ. Với 529 đơn vị hành chính cấp xã (484 xã và 45 phường, trong đó có 65 xã và 01 phường biên giới); có diện tích trên 69.000 km², dân số trên 10,1 triệu người với 34 dân tộc anh em cùng chung sống, có đường biên giới giáp Trung Quốc và Lào dài 1.454 km.

Sinh ra và lớn lên trong phong trào cách mạng của quần chúng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, sự chăm lo giúp đỡ của tổ chức Đảng và Chính quyền địa phương, sự thương yêu đùm bọc của Nhân dân các dân tộc Tây Bắc. LLVT Quân khu đã khắc phục mọi khó khăn gian khổ, vượt qua nhiều thử thách hy sinh, mưu trí sáng tạo, lập nên nhiều chiến công to lớn; LLVT Quân khu ngày càng trưởng thành vững mạnh, đã viết nên truyền thống “*Trung thành, tự lực, đoàn kết, anh dũng, chiến thắng*”; góp phần tô thắm truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng và truyền thống oanh liệt của Nhân dân các dân tộc Tây Bắc.

80 năm qua, trên chặng đường xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, trải qua các thời kỳ cách mạng, nhiều khó khăn, gian khổ, ác liệt, song dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, trong chiến đấu, làm nhiệm vụ quốc tế cũng như trong xây dựng phát triển kinh tế. LLVT Quân khu luôn thể hiện lòng trung thành tuyệt đối với

Đảng, với Tổ quốc, với Nhân dân. Chủ động, tự lực, tự cường, mưu trí sáng tạo, đoàn kết gắn bó, chiến đấu ngoan cường, tham gia nhiều chiến dịch trên các chiến trường, có nhiều trận đánh tiêu biểu từ Nam chí Bắc; từ chiến dịch Thu - Đông năm 1947 với chiến thắng Sông Lô, chiến dịch Sông Đà (tháng 1/1948), Nghĩa Lộ (tháng 3/1948), Yên Bình (tháng 10/1948), Sông Thao (tháng 6/1949), Lê Hồng Phong 1 và Lê Hồng Phong 2 (năm 1950), Trần Hưng Đạo (năm 1951), Lý Thường Kiệt (tháng 10/1951), chiến dịch giải phóng Tây Bắc (năm 1952), chiến dịch Điện Biên Phủ, chiến dịch giải phóng Tây Nguyên và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, LLVT Quân khu đã cùng với Nhân dân và đơn vị bạn chiến đấu dũng cảm, tiêu diệt địch, bảo vệ vững chắc biên giới thiêng liêng của Tổ quốc. Đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, LLVT Quân khu thường xuyên nâng cao sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng phòng thủ Quân khu và khu vực phòng thủ các địa phương vững chắc, không ngừng nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu, lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng trong LLVT Quân khu; chủ động phòng chống có hiệu quả chiến lược “*Diễn biến hòa bình*”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, giữ vững sự ổn định chính trị trên địa bàn, thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao.

Có được những chiến công và thành tích đó, trước hết có sự lãnh đạo sáng suốt và tài tình của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, sự lãnh đạo thường xuyên trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng.

Những chiến công đó, có đóng góp rất to lớn của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Tây Bắc, đã hết lòng curu mang, đùm bọc, yêu thương, giúp đỡ cán bộ, chiến sĩ LLVT Quân khu, tạo nên sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, góp phần chiến thắng mọi kẻ thù, xây dựng quê hương Tây Bắc ngày càng giàu đẹp.

Những chiến công đó là sự kết tinh ý chí quyết chiến, quyết thắng, tự lực, anh dũng của LLVT ba thứ quân trong Quân khu; đã không ngừng rèn luyện phấn đấu xây dựng bản lĩnh chính trị, trình độ huấn luyện, SSCĐ và chiến đấu, sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Truyền thống vẻ vang của LLVT Quân khu là những di sản tinh thần vô cùng quý báu được xây dựng bằng công sức, xương máu của những anh hùng, liệt sĩ và các thế hệ cán bộ, chiến sĩ trong LLVT Quân khu và sự đóng góp to lớn của Nhân dân các dân tộc Tây Bắc. Những truyền thống, chiến công đó đã và đang trở thành nguồn sức mạnh tinh thần to lớn, cổ vũ, động viên mọi cán bộ, chiến sĩ LLVT Quân khu vươn lên hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước, Quân đội và nhân dân giao cho trong giai đoạn cách mạng mới.

2. Những bài học kinh nghiệm

Một là: Quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm của Đảng về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, tiến hành chiến tranh nhân dân và xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Trên cơ sở đó vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Quân khu, đề ra những chủ trương, giải pháp đúng đắn, phù hợp với từng thời điểm, từng giai đoạn,

từng vùng, miền, gắn với yêu cầu nhiệm vụ cách mạng; xây dựng lực lượng và thể trận chiến tranh nhân dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc, đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù và các thế lực phản động, tay sai.

Hai là: Thấu triệt đường lối chiến tranh nhân dân và chủ trương đại đoàn kết dân tộc của Đảng, nhận thức đúng vai trò to lớn của Nhân dân trong mọi thời điểm cách mạng. Do vậy, ngoài việc chăm lo phát triển lực lượng vũ trang làm nòng cốt cho phong trào toàn dân đánh giặc; lãnh đạo và chỉ huy lực lượng vũ trang qua các thời kỳ đều hết sức coi trọng và dành sự quan tâm đặc biệt tới công tác tuyên truyền giáo dục, vận động và tổ chức quần chúng, đặc biệt là chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, đoàn kết quân dân, qua đó mà phát động thành công cuộc chiến tranh nhân dân, tạo nên sức mạnh chiến thắng mọi kẻ thù. Sức mạnh từ Nhân dân bao giờ cũng là điểm tựa vững chắc để lực lượng vũ trang chiến đấu và chiến thắng. Trên địa bàn Quân khu, Nhân dân các dân tộc vừa là lực lượng cụ thể, trực tiếp trong từng công việc, từng trận đánh, vừa là lực lượng chiến lược của chiến tranh nhân dân, trong suốt chặng đường phát triển của cách mạng hôm qua và mai sau. Bài học dựa chắc vào dân, tin dân, không ngừng chăm lo tình đoàn kết quân dân như cá với nước chẳng những có giá trị và đã phát huy hiệu quả to lớn trong 80 năm qua, mà vẫn còn nguyên giá trị trong sự nghiệp xây dựng Lực lượng vũ trang Quân khu hôm nay và mai sau.

Ba là: Phải gắn chặt việc chăm lo xây dựng Lực lượng vũ trang với xây dựng hậu phương, căn cứ địa. Hậu phương, căn cứ địa có vững thì Lực lượng vũ trang mới có chỗ đứng chân, có điểm tựa vững chắc để chiến đấu và chiến thắng; đồng thời Lực lượng vũ trang lớn mạnh sẽ là lực lượng nòng cốt để bảo vệ hậu phương, căn cứ địa. 80 năm qua, triệt để tận dụng ưu thế “thiên thời, địa lợi” trên địa bàn, Quân khu đã thường xuyên tập trung phối hợp xây dựng, củng cố căn cứ địa hậu phương vững mạnh toàn diện, coi đây là nhiệm vụ chiến lược tạo nên sức mạnh to lớn để chiến thắng kẻ thù.

Bốn là: Sự lãnh đạo của Đảng luôn là nhân tố quyết định tới sự lớn mạnh, trưởng thành, cùng những thành tích và chiến công mà Lực lượng vũ trang Quân khu giành được trong 80 năm qua.

Năm là: Trong quá trình xây dựng lực lượng vũ trang, phải quán triệt sâu sắc tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh “giúp bạn là tự giúp mình”. Trên tinh thần ấy, Lực lượng vũ trang Quân khu trong suốt chặng đường lịch sử ra đời và phát triển của mình luôn tích cực, chung sức, chung lòng, làm tròn nhiệm vụ quốc tế cao cả.

V. NHỮNG PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ CỦA LLVT QUÂN KHU TRONG 80 NĂM QUA

1. LLVT Quân khu được Đảng, Nhà nước tặng thưởng

- Danh hiệu “Anh hùng LLVT nhân dân”, năm 2026.
- 01 Huân chương Độc lập, năm 1965.
- 02 Huân chương Sao vàng, năm 1985, 2011.
- 02 Huân chương Hồ Chí Minh, năm 1979, 2002.
- 03 Huân chương Quân Công (02 Huân chương Quân công hạng Nhất - năm 1984, 2016; 01 Huân chương Quân công hạng Nhì - năm 1983).

- Năm 2015 được Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào tặng thưởng Huân chương ÍT-XA-LA hạng nhất.

- 01 Cờ thưởng luân lưu của Hội đồng Bộ trưởng năm 1983.

- 02 Cờ thưởng luân lưu của Chính phủ (năm 1985, 1986).

- 01 Cờ thi đua của Chính phủ năm 2024.

- 01 Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng năm 2025.

2. Các tập thể, cá nhân được phong tặng danh hiệu anh hùng LLVT và Mẹ Việt Nam anh hùng

- 317 tập thể và 116 cá nhân được phong tặng danh hiệu “Anh hùng LLVT nhân dân”.

- 3.149 bà Mẹ được Nhà nước phong tặng và truy tặng danh hiệu “Mẹ Việt Nam Anh hùng”.

3. Các tập thể, đơn vị, địa phương và cá nhân trong LLVT Quân khu được khen thưởng

- **05 Huân chương Sao vàng** - tặng thưởng cho quân và dân 5 tỉnh:

+ Quân và dân tỉnh Hà Tuyên (nay là tỉnh Tuyên Quang).

+ Quân và dân tỉnh Hoàng Liên Sơn (nay là tỉnh Lào Cai).

+ Quân và dân tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Lai Châu và tỉnh Điện Biên).

+ Quân và dân tỉnh Sơn La.

+ Quân và dân tỉnh Vĩnh Phú (nay là tỉnh Phú Thọ).

- **06 Huân chương Hồ Chí Minh:**

+ Sư đoàn 316.

+ Quân và dân tỉnh Hà Tuyên (nay là tỉnh Tuyên Quang).

+ Quân và dân tỉnh Hoàng Liên Sơn (nay là tỉnh Lào Cai).

+ Quân và dân tỉnh Lai Châu (nay là Lai Châu và Điện Biên).

+ Quân và dân tỉnh Sơn La.

+ Quân và dân tỉnh Vĩnh Phú (nay là tỉnh Phú Thọ).

- **41 Huân chương Độc lập.**

- **1.027 Huân chương Quân công và 8.570 Huân chương Chiến công.**

- **10.146 cán bộ, chiến sĩ được tặng thưởng huân chương, huy chương kháng chiến.**

- **41 Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất, Nhì, Ba.**

- **02 Huân chương Lao động hạng Ba.**

- **06 Cờ thưởng luân lưu của Chủ tịch nước:**

+ Trung đoàn 148 (Trung đoàn Sơn La anh dũng - Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng năm 1948).

+ Quân và dân tỉnh Sơn La (Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng năm 1965).

+ Dân quân xã Tiên Châu, huyện Yên Lãng, tỉnh Vĩnh Phú (Chủ tịch Tôn Đức Thắng tặng năm 1972).

+ Quân và dân tỉnh Vĩnh Phú (nay là tỉnh Phú Thọ, Chủ tịch Tôn Đức Thắng tặng năm 1977).

+ Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn (nay là tỉnh Lào Cai).

+ Trung đoàn BB 82/Sư đoàn 355.

- **57 Cờ thưởng luân lưu và Cờ thi đua của Chính phủ.**

- **232 Cờ thưởng luân lưu và Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng.**

* Đảng, Nhà nước bạn Lào và Cam-pu-chia tặng thưởng nhiều huân chương, huy chương và các phần thưởng cao quý khác cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong làm nhiệm vụ Quốc tế giúp bạn.

Phần thứ hai

MỘT SỐ CHIẾN DỊCH, TRẬN ĐÁNH TIÊU BIỂU LLVT QUÂN KHU THAM GIA TRONG 2 CUỘC KHÁNG CHIẾN VÀ LÀM NHIỆM VỤ QUỐC TẾ

1. Chiến thắng sông Lô (Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông 1947)

Trong toàn chiến dịch, quân và dân Khu 10 đã chiến đấu hơn 60 trận, tiêu diệt trên 1.600 tên địch, bắn chìm và bắn cháy 15 tàu, bắn rơi 1 máy bay (số địch bị tiêu diệt gần bằng 1/2 tổng số thiệt hại của địch trong toàn bộ chiến dịch Việt Bắc). Ta phá hủy và thu được nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng của địch.

Quân và dân Khu 10 đã bẻ gãy “Gọng kìm sông Lô” của địch, góp phần đánh bại cuộc tiến công lên Việt Bắc của giặc Pháp, bảo vệ an toàn cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến, làm phá sản chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp, tạo thế và lực để cuộc kháng chiến chuyển sang giai đoạn mới.

2. Chiến thắng của Tự vệ Thành Tuyên Quang (chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông 1947)

Đó là chiến công của tự vệ thành Tuyên Quang, đã phục kích đánh địch diệt hơn 100 tên khi chúng đang hành quân từ Tuyên Quang lên Chiêm Hóa ngày 22/10/1947 tại km số 7 (đường Tuyên Quang - Hà Giang).

Sau khi nắm được kế hoạch hành quân của địch, đêm 21/10/1947 tự vệ thành Tuyên Quang đã sử dụng 4 quả bom loại 100 kg (thu được của địch) bố trí trận địa phục kích. Khoảng 10 giờ sáng ngày 22/10/1947 đội hình địch gồm 500 tên thuộc Tiểu đoàn Lơ - giôt lọt vào trận địa. Ta kịp thời điểm hỏa, những tiếng nổ long trời, dậy đất rơi đúng vào đội hình địch, xác địch nằm ngổn ngang. 72 tên chết tại chỗ, 30 tên khác bị thương. Số sống sót hết sức kinh hoàng vội rút về thị xã, bị ta truy kích đến km số 5 diệt thêm 30 tên nữa thu nhiều vũ khí, đạn dược.

Sau trận này, chính kẻ địch phải thừa nhận “Tiếng nổ hỏa ngục” ở Km số 7 đã bẻ gãy và làm thất bại hoàn toàn cuộc hành quân của chúng.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp đánh giá, đây là một trong 10 chiến thắng lớn của toàn chiến dịch Việt Bắc.

3. Chiến dịch Biên giới 1950

Hướng chính của chiến dịch là Cao - Bắc - Lạng có Trung đoàn 174 tham gia. Hướng nghi binh là Lào Cai, gồm Trung đoàn 165; Trung đoàn 148; 1 tiểu đoàn của Hà Tuyên; 2 đại đội của Lào Cai; 1 đại đội của Yên Bái. Tổng số binh lực lên tới 21 đại đội.

Kết quả: Trên hướng chính ta đã loại khỏi vòng chiến đấu gần 10 Tiểu đoàn địch (trên 8.000 tên) thu 3.000 tấn vũ khí, phương tiện chiến tranh; trên hướng nghi binh, quân và dân Quân khu 2 đã hoàn thành nhiệm vụ, diệt và làm tan dã 2 tiểu đoàn địch (diệt 244 tên, có 1/3 là Âu Phi), thu nhiều vũ khí có cả pháo lớn, bức rút 63 vị trí, giải phóng hầu hết tỉnh Lào Cai, huyện Hoàng Su Phì/Hà Giang và một phần tỉnh Yên Bái.

Chiến dịch Biên giới giải phóng khu vực biên giới từ Cao Bằng đến Đình Lập (Lạng Sơn), nối liền biên giới Tây Bắc và Đông Bắc thành một dải, mở thông giao lưu quốc tế, làm thay đổi cục diện chiến tranh: Ta bước sang giai đoạn chiến lược phản công và tiến công, buộc Pháp chuyển dần sang thế chiến lược phòng ngự. Trong trận đánh Đông Khê lần thứ hai của chiến dịch Biên giới, đồng chí La Văn Cầu, Trung đoàn 174 với thành tích chiến công xuất sắc đã được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng ba; trong Đại hội Liên hoan Anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất (tháng 5 năm 1952) đồng chí đã được Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất; ngày 19/5/1952, đồng chí La Văn Cầu được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

4. Chiến dịch Tây Bắc 1952

- Sau gần 2 tháng (14/10 - 10/12/1952) anh dũng chiến đấu, quân và dân ta đã tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, tiêu diệt 1.005 tên địch, bắt sống 5.024 tên; tiêu diệt 4 tiểu đoàn và 28 đại đội, đánh thiệt hại nặng nhiều tiểu đoàn tinh nhuệ; phá hủy và thu toàn bộ vũ khí, đồ dùng quân sự, các kho lương thực, thực phẩm. Vùng mới giải phóng rộng 28.500 km² với 25 vạn dân. Cả 4 cánh đồng lớn Mường Thanh/Điện Biên, Mường Lò/Nghĩa Lộ, Mường Tấc/Phù Yên, Mường Than/Than Uyên đã thuộc về ta. Trong chiến công chung ấy, Đại đoàn 316 đã góp phần xứng đáng, tiêu diệt và bắt sống 1.602 tên địch, tiêu diệt gọn 2 Tiểu khu, giải phóng hoàn toàn hai huyện Quang Huy và Mộc Châu.

- Tây Bắc trở thành căn cứ địa nối liền với Việt Bắc, là “một bảo đảm lâu dài cho cuộc kháng chiến của chúng ta và sẽ có ảnh hưởng đến cách mạng Lào, mặc dù tình hình sau này phát triển như thế nào”. Chiến thắng Tây Bắc đã đưa cuộc kháng chiến của Nhân dân ta tiến lên một bước mới trên con đường tiếp tục giữ vững và phát huy thế chủ động chiến lược, đồng thời đã đập tan cái gọi là “Xứ Thái tự trị” trong âm mưu chia rẽ dân tộc “dùng người Việt đánh người Việt” của thực dân Pháp.

Đây cũng là thắng lợi của tinh thần phục vụ hết lòng hết sức vì quyền lợi của quân dân khu Tây Bắc: Gần 20 vạn dân công, với 7 triệu ngày công, 11.750 tấn gạo, 164 tấn muối, 235 tấn thịt, 44 tấn thực phẩm, 83 tấn vũ khí, quân trang, quân dụng đã được huy động phục vụ chiến dịch.

5. Chiến dịch Điện Biên Phủ

Với tinh thần “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng” Nhân dân các dân tộc Tây Bắc mặc dù bị thiên tai mất mùa, sau chiến dịch Tây Bắc đời sống còn gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn tích cực tham gia đóng góp sức người, sức của cho thắng lợi của chiến dịch, vượt cả số lượng, chất lượng, thời gian Trung ương giao: Gạo 7.310 tấn (vượt chỉ tiêu 347 tấn, bằng hơn 1/4 số lượng gạo toàn chiến dịch), thịt 389 tấn (vượt 79 tấn) huy động 27.657 dân công. Riêng tỉnh Lai Châu đã huy động được 16.973 dân công, 2.666 tấn gạo, 226 tấn thịt, 210 tấn rau xanh, 348 ngựa thồ, 58 thuyền mảng, 24.070 cây gỗ các loại làm đường cho xe pháo. Châu Điện Biên, nơi tuyến lửa ác liệt, đồng bào sống vô cùng khó khăn cũng đóng góp được 555 tấn gạo, 36 tấn thịt, 105 tấn rau xanh. Châu Mường Tè phải hoạt động ráo riết, nhân dân cùng bộ đội vừa tiểu phỉ vừa chiến đấu và phục vụ chiến đấu cũng đóng góp được 76 tấn gạo, 43 con ngựa thồ, 14 thuyền mảng, 2.700 ngày công. Nhân dân Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Phúc nô nức đi dân công hỏa tuyến, tham gia mở đường, chuyển lương thực đạn dược. Chiến sĩ Ma Văn Thắng quê Phú Thọ lập kỷ lục về thồ hàng

bằng xe đạp đạt 325 kg. Nhân dân Tây Bắc còn chăm sóc bộ đội từ cái kim sợi chỉ, cổ vũ thăm hỏi các chiến sĩ hết sức chu đáo. Chỉ tính riêng tỉnh Phú Thọ có trên 2 vạn lá thư, 1.000 bộ quần áo, 175 áo trấn thủ, 92 chăn màn, 452 bánh thuốc Lào, 157 kg đường, 114 kg chè khô, 2.316 viên thuốc ký ninh và thuốc cảm... Chiến dịch Điện Biên Phủ mãi mãi là niềm tự hào của quân dân các dân tộc Tây Bắc. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta.

Sư đoàn 316 (Trung đoàn 174, Trung đoàn 98) đã trực tiếp tham gia chiến dịch với những trận đánh xuất sắc trên đồi A1, A3, C1, C2 và sân bay Mường Thanh. Đặc biệt trên đồi A1 - cao điểm phòng ngự then chốt trên hướng Đông của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, cuộc chiến đấu giữa ta và địch ở đây diễn ra giằng co hết sức gay go, ác liệt. Khối bộc phá 1.000 kg do bộ đội ta đào hầm và đặt trong lòng hầm A1 được phát nổ là hiệu lệnh xung phong toàn mặt trận, tổng công kích vào sở chỉ huy của quân Pháp, bắt sống tướng Đờ Cát-Xtơ-Ri.

Trong chiến cuộc Đông - Xuân 1953-1954 và trong chiến dịch Điện Biên Phủ, Sư đoàn 316 đã đánh 17 trận, tiêu diệt 3.300 tên địch, bắt sống và gọi hàng 6.500 tên, thu và phá hủy 3.200 súng các loại, bắn rơi và bắn cháy 11 máy bay, 3 xe tăng cùng nhiều phương tiện chiến tranh của địch. Trung đoàn 174, Trung đoàn 98 vinh dự được nhận cờ của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Các đồng chí La Văn Cầu, Nông Văn Vương, Bế Văn Đàn, Triệu Văn Báo, Lý Văn Mưu, Đàm Văn Ngụy, Đặng Đức Song được tuyên dương danh hiệu Anh hùng LLVT. Sáu đồng chí được bầu là Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Sư đoàn được tặng 1 Huân chương Quân công hạng Nhất, 4 Huân chương Quân công hạng Ba, nhiều tập thể, cá nhân được biểu dương, khen thưởng.

6. Những chiến công tiêu biểu, trên mặt trận chống gián điệp, biệt kích của Mỹ, Ngụy (1960 - 1968) và trong chống chiến tranh phá hoại bằng không quân ra miền Bắc của đế quốc Mỹ (1965 - 1972) của quân và dân Tây Bắc

Trong khi quân và dân miền Bắc đang đẩy mạnh công cuộc xây dựng XHCN thì đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai tìm mọi cách tung biệt kích, gián điệp móc nối với bọn phản động cũ để phá hoại hậu phương chiến lược, làm suy yếu tiềm lực quốc phòng của ta, trong đó Tây Bắc là một trong những địa bàn trọng điểm.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân Tây Bắc đã xây dựng được phòng tuyến chiến tranh nhân dân sâu rộng, cảnh giác cao, luôn sẵn sàng và tổ chức chiến đấu tốt nên đã kịp thời tóm gọn, tiêu diệt nhiều toán gián điệp, biệt kích của Mỹ, Ngụy.

Tiêu biểu như:

- Ngày 27/5/1961 tại Phù Yên (Sơn La) ta đã tóm gọn toán biệt kích gồm 4 tên, thu 4 tiểu liên, 2 súng ngắn, lương thực và nhiều trang bị khác. Đây là toán gián điệp biệt kích đầu tiên của Mỹ, Ngụy tung ra miền Bắc.

- Tháng 6/1962 tại Pù Lài (Điện Biên), ta tóm gọn 6 tên biệt kích toán Rơ Muýt sau đó đã thuyết phục, động viên, sử dụng toán này thành một “cái bẫy” nhử địch để thu toàn bộ vũ khí, lương thực tiếp tế của địch và tóm gọn một toán khác gồm 5 tên.

- Ngày 8/6/1963 ta bắt gọn toán biệt kích gồm 7 tên ở Khe Ót, xã Phong Dụ, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

- Từ năm 1965 đến năm 1968 quân dân Tây Bắc đã phát hiện hơn một chục toán gián điệp, biệt kích tung vào địa bàn Tây Bắc, diệt 51 tên, bắt 35 tên, thu nhiều vũ khí, trang bị, phương tiện hoạt động của chúng và nhiều tài liệu quan trọng.

Cuối năm 1964 để cứu vãn tình thế, đế quốc Mỹ quyết định liều lĩnh tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân đối với miền Bắc nước ta.

Trước tình hình đó, Quân khu đã chủ động, khẩn trương tổ chức xây dựng và củng cố lực lượng, kịp thời bố trí thế trận phòng không nhân dân trên toàn địa bàn. Góp phần đánh bại cuộc chiến tranh bằng không quân của đế quốc Mỹ trên bầu trời miền Bắc. Những chiến công tiêu biểu của quân và dân Tây Bắc:

- Từ tháng 5/1965 đến cuối năm 1972, lực lượng phòng không của Quân khu đã bắn rơi 339 máy bay Mỹ (trong đó có 2 máy bay B52, 3 máy bay F111), bắt sống nhiều giặc lái, bảo vệ vững chắc hậu phương Tây Bắc.

- Ngày 14/6/1965, Tiểu đoàn 14 pháo phòng không thuộc Sư đoàn 316 đã bắn rơi tại chỗ chiếc máy bay đầu tiên (chiếc F105) của không lực Hoa Kỳ trên bầu trời Tây Bắc

- Ngày 20/8/1965 tổ dân quân trực chiến xã Mậu Đông, huyện Văn Yên tỉnh Yên Bái đã dùng súng trường bắn rơi tại chỗ 1 chiếc F.105.

- Ngày 20/10/1965 tổ trực chiến của hai dân quân Phùng A Di, Phùng A Dưa dân tộc Mông xã Kim Bon huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, đã dùng súng trường bắn rơi 1 chiếc F.105. Đây là chiếc máy bay Mỹ đầu tiên do dân quân người Mông bắn rơi trên bầu trời miền Bắc.

- Đầu tháng 9/1966, tiểu đội dân quân người Dao trực chiến ở thôn Khe Lép, Xuân Tầm đã bắn rơi 1 chiếc máy bay F.105. Đây là chiếc máy bay Mỹ đầu tiên do dân quân người Dao bắn rơi.

- Tháng 10/1972, dân quân xã Tiên Châu, huyện Yên Lãng, tỉnh Vĩnh Phú (tỉnh Phú Thọ ngày nay) đã bắn rơi tại chỗ chiếc máy bay F.111 của Mỹ. Đây là chiếc máy bay thứ 4.000 của Mỹ bị bắn rơi trên bầu trời miền Bắc.

- Nữ dân quân Yên Châu, tỉnh Sơn La đã dùng súng bộ binh trong một ngày bắn rơi 2 máy bay Mỹ. Cảm hứng trước hình tượng đẹp của người con gái Thái vừa sản xuất giỏi, vừa chiến đấu giỏi, nhạc sĩ Nguyễn Trọng Loạn đã sáng tác ca khúc "*Người Châu Yên em bắn máy bay*", một ca khúc được nhiều người ưa thích.

7. Chiến dịch Nậm Thà (1962)

Chiến dịch Nậm Thà (1962) là chiến dịch tiến công của liên quân Lào - Việt (trong đó có Sư đoàn 316) vào khu vực Mường Sinh - Nậm Thà, nhằm ngăn chặn địch và thu hồi vùng bị chiếm, hỗ trợ cho hội nghị hiệp thương ba phái ở Cánh Đồng Chum và hội nghị Giơ-ne-vơ 1962 về Lào.

Chiến dịch chia làm hai đợt. Đợt 1 (từ 2/5 - 6/5), liên quân Lào - Việt tiến công Mường Sinh, phát triển chiếm Mường Long; địch ở Nậm Thà hoảng loạn, tan vỡ. Đợt 2 (từ 6/5 - 12/5), phát triển thắng lợi, liên quân Lào - Việt đánh địch rút chạy về Mường Xài, đánh chiếm điểm cao 1860 và sau đó chỉ truy kích địch đến bản Púng, không để Mỹ tạo cơ can thiệp sâu vào Lào.

Kết thúc chiến dịch liên quân Lào - Việt loại khỏi vòng chiến đấu 1.564 tên địch, thu trên 400 súng các loại, giải phóng trên 5.000 km² với trên 76.000 dân; buộc chính quyền Viêng Chăn phải ký Hiệp định Cánh Đồng Chum (12/6/1962) thành lập chính phủ liên hiệp ba phái và sau đó ký Hiệp định Giơ-ne-vơ về Lào. Đối với Sư đoàn 316 đã được Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương gửi điện khen, được tặng thưởng 4 huân chương Quân công hạng Ba, 15 huân chương Chiến công hạng Nhất, 12

huân chương Chiến công hạng Nhì, 17 huân chương Chiến công hạng Ba, 120 đồng chí được tặng thưởng Huân chương các loại.

8. Chiến dịch Nậm Bạc (1968)

Đây là chiến dịch tiền công của quân tình nguyện Việt Nam (trong đó có Sư đoàn 316) phối hợp với Tiểu đoàn 409 quân giải phóng nhân dân Lào và LLVT tỉnh Luông Pha Băng, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực quân Viêng Chăn, giải phóng vùng Nậm Bạc.

Sau 16 ngày đêm chiến đấu liên tục, ta tiêu diệt 973 tên địch, bắt hơn 2.000 tên, phá hủy 12 máy bay, 11 pháo; giải phóng vùng Nậm Bạc, Khăm Đeng với trên 1 vạn dân.

Thắng lợi của chiến dịch đánh dấu bước phát triển thể chủ động của các lực lượng cách mạng trên chiến trường Lào; phối hợp nhịp nhàng có hiệu quả với quân và dân miền Nam Việt Nam trong tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968.

9. Chiến dịch phòng ngự Cánh Đồng Chum

Sư đoàn 316 đã tham gia chiến dịch phòng ngự Cánh Đồng Chum mùa mưa 1972. Cánh Đồng Chum là khu vực giành giết quyết liệt giữa ta và địch. Sau 170 ngày đêm phòng ngự, ngày 15/11/1972 chiến dịch phòng ngự Cánh Đồng Chum kết thúc thắng lợi. Các chiến sĩ tình nguyện Tây Bắc đã cùng bạn loại khỏi vòng chiến đấu 5.600 tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch, đánh bại hoàn toàn cuộc tiến công lấn chiếm của quân ngụy Lào và quân Thái Lan, phối hợp có hiệu quả với cuộc tiến công chiến lược trên chiến trường miền Nam.

Đây là lần đầu tiên trên chiến trường Lào, bộ đội tình nguyện Tây Bắc và bộ đội giải phóng Lào đánh thắng địch trong mùa mưa; cũng là lần đầu tiên ta tiến hành thắng lợi một chiến dịch phòng ngự quy mô lớn. Qua đó ta đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm về nghệ thuật tổ chức và thực hành chiến dịch. Thắng lợi này đã đưa đến việc ký kết Hiệp định Viêng Chăn, tháng 2 năm 1973.

10. Chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ 30 năm giải phóng đất nước, vào giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước quyết liệt và huy hoàng, Quân khu 2 vinh dự có Sư đoàn 316 tham gia chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, góp phần cùng quân và dân miền Nam và cả nước làm nên đại thắng mùa xuân 1975.

Trong chiến dịch Tây Nguyên, Sư đoàn 316 là lực lượng đột kích chủ yếu tiến công Buôn Mê Thuột, đây là trận đánh then chốt của chiến dịch. Cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn đã nêu cao ý chí quyết chiến, quyết thắng, chiến đấu linh hoạt, ngoan cường, tiến công dũng mãnh tiêu diệt sinh lực địch, nhanh chóng làm chủ chiến trường, giải phóng Buôn Mê Thuột và đập tan các cuộc phản kích của địch, hoàn thành xuất sắc mục tiêu chiến dịch đề ra. Chiến dịch này, Sư đoàn đã tiêu diệt và bắt sống 5.266 tên địch, trong đó có tên Đại tá Vũ Thế Quang, Sư đoàn phó Sư đoàn 23 ngụy. Kết thúc chiến dịch Sư đoàn được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhất, có 21 đơn vị và 246 cán bộ, chiến sĩ được tặng thưởng Huân chương Quân công và Chiến công các loại.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh cùng với 5 cánh quân thần tốc tiến về Sài Gòn, Sư đoàn 316 nằm trong đội hình Quân đoàn 3 chiến đấu trên hướng Tây Bắc, với nhiệm vụ chốt chặn trên đường số 1 và đường số 22, kiềm chế Sư đoàn bộ binh 25 Ngụy,

không cho chúng rút từ Tây Ninh về Đồng Dù và Hóc Môn. Trong chiến dịch này, Sư đoàn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, loại khỏi vòng chiến đấu 6.715 tên địch, bắn rơi 4 máy bay, thu 26 pháo và trên 3000 súng các loại.

Ngày 16/1/1976, Sư đoàn 316 được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhất.

80 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng; được Nhân dân các dân tộc Tây Bắc tin yêu, đùm bọc; phấn khởi tự hào về truyền thống vẻ vang của mình, cán bộ, chiến sĩ các LLVT Quân khu nguyện giữ vững và phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đoàn kết nhất trí, tiếp bước thế hệ cha anh, mãi mãi xứng đáng truyền thống **“Trung thành, tự lực, đoàn kết, anh dũng, chiến thắng”** và xứng đáng với những phần thưởng cao quý mà Đảng, Nhà nước trao tặng. Quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thử thách, kiên định vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, xây dựng Quân khu ngày càng vững mạnh, xứng đáng là địa bàn chiến lược quan trọng, cùng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN, vững vàng tiến vào kỷ nguyên phồn vinh, thịnh vượng và phát triển của dân tộc Việt Nam./.